

Số : 18/CBTT-NAG-2015.

V/v: Công bố BCTC tổng hợp đã kiểm toán năm 2014

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
2. Mã chứng khoán : **NAG**
3. Địa chỉ trụ sở chính : Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc
4. Điện thoại : 02113873568 Fax : 02113548020
5. Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Thị Huyền Thương
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2014 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2014.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.nagakawa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu Ban QHCD



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nguyễn Thị Huyền Thương

(V/v giải trình chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt
động kinh doanh tổng hợp năm 2014 đã được kiểm toán)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam
- Mã chứng khoán : NAG
- Trụ sở chính : Khu 9, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, nay Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014 trước kiểm toán với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014 sau kiểm toán như sau :

*** Số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh:**

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14,303,407,249	14,297,587,306	(-) 5.819.943

Lý do như sau :

- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng phân bổ chi phí trả trước dài hạn : (6.201.830) đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí chênh lệch tỷ giá ngoại tệ cuối năm : (8.709.444) đồng
- Tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản cố định : 2.530.865 đồng
- Tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm chi phí khác : 6.047.150 đồng
- Tăng lợi nhuận do giảm chi phí thuế TNDN hiện hành : 513.316 đồng
- Cộng : 5.819.943 đồng**

Vậy Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2014 của Công ty.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu TCKT, HCNS

CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khải

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN

	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tài sản ngắn hạn	226,303,429,974	218,567,232,924
1 Tiền và các tài khoản tương đương tiền	3,509,109,249	2,524,264,793
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1,254,484,650	
3 Các khoản phải thu ngắn hạn	126,863,958,920	112,350,982,931
4 Hàng tồn kho	74,380,496,942	81,783,590,547
5 Tài sản ngắn hạn khác	20,295,380,213	21,908,394,653
II Tài sản dài hạn	39,509,132,578	43,536,903,146
1 Các khoản phải thu dài hạn		
2 Tài sản cố định	25,169,088,412	29,670,334,353
* Tài sản cố định hữu hình	25,169,088,412	29,670,334,353
* Tài sản cố định thuê tài chính		
* Tài sản cố định vô hình		
* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4 Bất động sản đầu tư		
5 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13,770,756,826	13,774,251,826
6 Tài sản dài hạn khác	569,287,340	92,316,967
III TỔNG CỘNG TÀI SẢN	265,812,562,552	262,104,136,070

NGUỒN VỐN

	Số cuối năm	Số đầu năm
IV Nợ phải trả	115,518,621,092	126,107,781,916
1 Nợ ngắn hạn	112,087,289,601	123,074,624,598
2 Nợ dài hạn	3,431,331,491	3,033,157,318
V Nguồn Vốn chủ sở hữu	150,293,941,460	135,996,354,154
1 Vốn chủ sở hữu	150,293,941,460	135,996,354,154
* Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
* Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
* Vốn khác của chủ sở hữu		
* Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
* Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
* Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
* Quỹ đầu tư phát triển	2.955.874.625	2.955.874.625
* Quỹ dự phòng tài chính	544.719.321	544.719.321
* Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(7,374,522,486)	(21,672,109,792)
* Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2 Nguồn kinh phí và quỹ khác		
* Nguồn kinh phí		
* Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	265,812,562,552	262,104,136,070



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

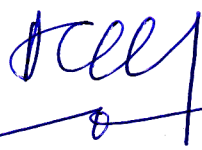
CHỈ TIÊU

	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	265,779,577,839	190,154,722,252
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	1,473,153,412	4,559,845,543
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	264,306,424,427	185,594,876,709
4 Giá vốn hàng bán	228,971,798,071	161,742,477,784
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35,334,626,356	23,852,398,925
6 Doanh thu hoạt động tài chính	463,095,625	176,278,530
7 Chi phí tài chính	8,378,807,909	11,226,574,896
Trong đó: chi phí lãi vay	7,943,715,125	10,587,791,511
8 Chi phí bán hàng	3,792,664,764	5,473,657,259
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,979,029,670	9,869,185,548
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,647,219,638	(2,540,740,248)
11 Thu nhập khác	6,974,765,018	7,638,006,289
12 Chi phí khác	285,116,080	4,346,332,466
13 Lợi nhuận khác	6,689,648,938	3,291,673,823
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18,336,868,576	750,933,575
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,039,281,270	106,080,740
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	14,297,587,306	644,852,835
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14.86	16,61
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85.14	83,39
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	43.46	48,11
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	56.54	51,89
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.4	1,1
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.0	1,8
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5.38	0,25
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.41	0,35
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9.51	0,47

Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Huy Chi Dung



Ngày 29 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7 - 37
<i>Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm 2014</i>	<i>14 - 37</i>



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 8 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 148.495.780.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;

11/2015
CỔ PHẦN
CH
KIẾ
HÀ

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch	
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2014
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2014
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 09 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả
Ngày 26 tháng 3 năm 2015

Số : 32/2014.03/NVT-BCTC
Ngày : 26 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2014-124-1

Kiểm toán viên

Trần Anh Tâm

GCNĐKHNTK số: 1802-2014-124-1



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.303.429.974	218.567.232.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.509.109.249	2.524.264.793
1. Tiền	111		3.509.109.249	2.294.264.793
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	230.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.254.484.650	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.254.484.650	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.863.958.920	112.350.982.931
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	82.924.829.241	56.418.637.485
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	12.696.596.937	20.119.849.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	32.224.200.124	36.794.163.628
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(981.667.382)	(981.667.382)
IV. Hàng tồn kho	140		74.380.496.942	81.783.590.547
1. Hàng tồn kho	141	V.7	74.380.496.942	81.783.590.547
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.295.380.213	21.908.394.653
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	171.013.765	151.140.453
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.725.758	228.821.906
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	208.331.902	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	19.907.308.788	21.528.432.294

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.509.132.578	43.536.903.146
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.169.088.412	29.670.334.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	25.169.088.412	29.670.334.353
<i>Nguyên giá</i>	222		88.246.394.975	86.808.697.106
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.077.306.563)	(57.138.362.753)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.770.756.826	13.774.251.826
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(869.243.174)	(865.748.174)
V. Tài sản dài hạn khác	260		569.287.340	92.316.967
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	569.287.340	92.316.967
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		265.812.562.552	262.104.136.070

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		115.518.621.092	126.107.781.916
I. Nợ ngắn hạn	310		112.087.289.601	123.074.624.598
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	77.029.492.988	76.715.080.642
2. Phải trả người bán	312	V.18	17.272.357.527	5.288.292.840
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	3.367.200.004	29.116.418.631
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	13.562.432.852	10.461.926.316
5. Phải trả người lao động	315		560.338.992	366.480.264
6. Chi phí phải trả	316	V.21	137.810.088	502.784.163
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	100.134.117	566.118.709
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.523.033	57.523.033
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.431.331.491	3.033.157.318
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	200.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.24	3.231.331.491	3.033.157.318
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.293.941.460	135.996.354.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	150.293.941.460	135.996.354.154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.000)	(20.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.874.625	2.955.874.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		544.719.321	544.719.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.374.522.486)	(21.672.109.792)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		265.812.562.552	262.104.136.070

22.
 TY
 HỮU
 HOÀ
 M V
 T

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		134.612.027	134.612.027		
5. Ngoại tệ các loại:					
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		547,42	472,17		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	265.779.577.839	190.154.722.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.473.153.412	4.559.845.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		264.306.424.427	185.594.876.709
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	228.971.798.071	161.742.477.784
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.334.626.356	23.852.398.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	463.095.625	176.278.530
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.378.807.909	11.226.574.896
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.943.715.125	10.587.791.511
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.792.664.764	5.473.657.259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.979.029.670	9.869.185.548
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.647.219.638	(2.540.740.248)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.974.765.018	7.638.006.289
12. Chi phí khác	32	VI.8	285.116.080	4.346.332.466
13. Lợi nhuận khác	40		6.689.648.938	3.291.673.823
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.336.868.576	750.933.575
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.039.281.270	106.080.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.297.587.306</u>	<u>644.852.835</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.336.868.576	750.933.575
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.957.868.009	7.850.611.645
- Các khoản dự phòng	03		3.495.000	1.717.625
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		102.730.007	(5.657.151)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(431.410.144)	(23.000.000)
- Chi phí lãi vay	06		7.943.715.125	10.587.791.511
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.913.266.573	19.162.397.205
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.396.894.959)	55.664.223.100
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.403.093.605	1.596.184.721
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.171.942.153)	(17.009.866.016)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(496.843.685)	286.910.849
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.017.588.109)	(15.938.051.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		61.586.981.709	21.077.656.362
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(61.465.878.499)	(11.719.505.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(645.805.518)	53.119.949.395
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.722.229.324)	(38.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		254.545.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.054.484.650)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		22.791.875.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.271.946	23.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.305.978.426	(15.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		216.130.178.604	130.379.555.188		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(215.615.766.258)	(184.882.239.696)		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(189.971.488)	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		324.440.858	(54.502.684.508)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		984.613.766	(1.397.735.113)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.524.264.793	3.921.999.906		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		230.690	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.509.109.249	2.524.264.793		

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** :
 - Sản xuất, mua bán, lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

8. Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu đối với hàng gia dụng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được thực hiện vào cuối năm tài chính.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 19121000057 ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam. Theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong 12 năm đầu tiên kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh thuế suất là 15%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Năm 2014 là năm tài chính thứ 13 của dự án tính từ thời điểm dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép đầu tư số 24/GP-VP ngày 22/8/2002 và là năm tài chính thứ 09 Công ty có thu nhập chịu thuế. Thuế suất thuế TNDN năm 2014 của Công ty là 22%.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tại nhiều ngân hàng thương mại có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì khi quy đổi thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.440 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	824.309.530	1.278.230.421
Tiền gửi ngân hàng	2.684.799.719	967.034.372
Tiền đang chuyển	-	49.000.000
Các khoản tương đương tiền	-	230.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	230.000.000
Cộng	<u>3.509.109.249</u>	<u>2.524.264.793</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	1.254.484.650	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	1.254.484.650	-
Cộng	<u>1.254.484.650</u>	<u>-</u>

3. Phải thu khách hàng

Chi tiết theo đơn vị

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	61.830.989.823	35.932.173.045
Chi nhánh Công ty tại TP. Hà Nội	12.034.947.851	13.965.423.969
Chi nhánh Công ty tại TP. Đà Nẵng	2.425.644.124	2.134.273.765
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	6.633.247.443	4.386.766.706
Cộng	<u>82.924.829.241</u>	<u>56.418.637.485</u>

4. Trả trước cho người bán

Chi tiết theo đơn vị

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	12.440.293.937	20.119.849.200
Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng	250.000.000	-
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	6.303.000	-
Cộng	<u>12.696.596.937</u>	<u>20.119.849.200</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	14.000.000.000	36.791.875.000
Phải thu tiền cho vay	17.800.000.000	-
Phải thu lãi tiền cho vay	406.200.000	-
Các khoản phải thu khác	18.000.124	2.288.628
Cộng	<u>32.224.200.124</u>	<u>36.794.163.628</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	20.608.401.464	11.983.121.161
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.372.919.591	21.956.552.233
Thành phẩm	8.788.578.370	10.804.337.322
Hàng hóa	41.610.597.517	34.362.930.862
Hàng gửi đi bán	-	2.676.648.969
Cộng	<u>74.380.496.942</u>	<u>81.783.590.547</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê văn phòng	5.000.000	35.028.182
Giá trị CCDC xuất dùng	1.704.545	1.105.984
Chi phí bảo trì, sửa chữa phần mềm	-	7.000.000
Chi phí bảo hiểm tài sản	29.950.591	33.766.288
Chi phí in lịch	62.195.833	-
Chi phí sửa chữa xe ô tô	61.104.765	-
Chi phí trả trước khác	11.058.031	74.239.999
Cộng	<u>171.013.765</u>	<u>151.140.453</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất nhập khẩu	113.708.592	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	94.623.310	-
Cộng	<u>208.331.902</u>	<u>-</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	19.530.635.689	21.030.655.985
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	376.673.099	497.776.309
Cộng	<u>19.907.308.788</u>	<u>21.528.432.294</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	22.004.035.994	60.003.262.562	4.601.212.633	156.607.280	43.578.637	86.808.697.106
Tăng do mua sắm mới	2.094.574.779	-	627.654.545	-	-	2.722.229.324
Giảm do thanh lý tài sản	-	-	(1.284.531.455)	-	-	(1.284.531.455)
Số cuối năm	24.098.610.773	60.003.262.562	3.944.335.723	156.607.280	43.578.637	88.246.394.975
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.295.250.622	1.502.674.965	2.749.320.298	156.607.280	43.578.637	5.747.431.802
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.197.926.374	42.627.937.601	4.112.312.861	156.607.280	43.578.637	57.138.362.753
Tăng do khấu hao trong năm	1.174.729.888	5.619.380.668	163.757.453	-	-	6.957.868.009
Giảm do thanh lý tài sản	-	-	(1.018.924.199)	-	-	(1.018.924.199)
Số cuối năm	11.372.656.262	48.247.318.269	3.257.146.115	156.607.280	43.578.637	63.077.306.563
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.806.109.620	17.375.324.961	488.899.772	-	-	29.670.334.353
Số cuối năm	12.725.954.511	11.755.944.293	687.189.608	-	-	25.169.088.412

Một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 85.258.377.175 VND và 24.481.898.805 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2014/HMT/PVBT/NAGAKAWA ngày 31 tháng 10 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao.

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	960.000	9.600.000.000	960.000	9.600.000.000
Cộng		9.600.000.000		9.600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa số tiền 9.600.000.000 đồng, tương đương 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	504.000	5.040.000.000	504.000	5.040.000.000
Cộng		5.040.000.000		5.040.000.000

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(865.748.174)	(864.030.549)
Tăng do trích lập trong năm	(3.495.000)	(1.717.625)
Số hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	(869.243.174)	(865.748.174)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	61.313.642	72.775.235
Chi phí sửa chữa xe ô tô	24.275.422	-
Phí thiết kế thi công hạng mục nội thất, nhà xưởng	10.056.273	18.883.408
Chi phí làm biển quảng cáo	95.320.531	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy	361.156.623	-
Chi phí trả trước khác	17.164.849	658.324
Cộng	569.287.340	92.316.967

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	76.954.492.988	76.715.080.642
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đông Đa (a)	-	76.715.080.642
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (b)	75.464.164.588	
Ngân hàng NN & PTNT - Phúc Yên (c)	1.490.328.400	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	75.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (d)	75.000.000	
Cộng	<u>77.029.492.988</u>	<u>76.715.080.642</u>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đông Đa theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1410/2013/HĐTĐHM ngày 14 tháng 10 năm 2013 nhằm bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ định mục đích kinh doanh điện tử điện lạnh. Thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo từng kế ước nhận nợ, hợp đồng chiết khấu, thư bảo lãnh, L/C; riêng thời hạn cho vay không vượt quá 06 tháng theo từng kế ước nhận nợ; lãi suất vay cụ thể với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận theo từng kế ước, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2014/HMT/PVBTL-NAGAKAWA ngày 31 tháng 10 năm 2014 nhằm bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, thanh toán L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, 2015 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 80 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo từng kế ước nhận nợ, hợp đồng chiết khấu, thư bảo lãnh, L/C. Thời hạn tối đa của khoản vay là 06 tháng; lãi suất vay và phương thức điều chỉnh lãi suất được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

(c) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2890LAV201402733 ngày 30 tháng 12 năm 2014 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 1,8 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhằm thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất máy điều hòa. Thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014, lãi suất tại thời điểm vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tiền lãi vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản.

(d) Xem thuyết minh V.23

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Phải trả người bán***Chi tiết theo đơn vị*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	16.085.739.194	4.634.337.654
Chi nhánh Công ty tại TP. Hà Nội	53.855.933	185.979.933
Chi nhánh Công ty tại TP. Đà Nẵng	1.132.762.400	9.502.424
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	-	461.472.829
Cộng	<u>17.272.357.527</u>	<u>5.288.292.840</u>

19. Người mua trả tiền trước*Chi tiết theo đơn vị*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	3.054.569.604	28.697.467.862
Chi nhánh Công ty tại TP. Hà Nội	430.400	28.265.242
Chi nhánh Công ty tại TP. Đà Nẵng	312.200.000	13.966.900
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	-	376.718.627
Cộng	<u>3.367.200.004</u>	<u>29.116.418.631</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.147.225.366	4.624.075.097
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	222.318.314
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.406.313.600	4.694.443.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.715.109.508	675.828.238
Thuế thu nhập cá nhân	16.073.211	29.708.189
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	277.711.167	215.552.689
Cộng	<u>13.562.432.852</u>	<u>10.461.926.316</u>

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	98.509.179	172.382.163
Chi phí phải trả trạm bảo hành ủy quyền	-	330.402.000
Chi phí thuê kho phải trả	39.300.909	-
Cộng	<u>137.810.088</u>	<u>502.784.163</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	92.777.467	109.577.727
Bảo hiểm y tế	4.376.468	19.727.790
Bảo hiểm thất nghiệp	1.955.058	11.554.210
Cổ tức năm 2007 còn phải trả	-	93.052.800
Lợi nhuận còn lại của Công ty liên doanh	-	96.918.688
Phải trả, phải nộp khác	1.025.124	235.287.494
Cộng	<u>100.134.117</u>	<u>566.118.709</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam nhằm mua ô tô theo hợp đồng cấp tín dụng số THK2014/03-HDTD ngày 19 tháng 08 năm 2014. Thời hạn vay 04 năm kể từ ngày 19 tháng 08 năm 2014, lãi suất là 7,99%/năm trong vòng 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 lãi suất bằng lãi vay quy định của ngân hàng cộng (+) tỷ lệ biến động là 3,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	300.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(25.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(75.000.000)
Số cuối năm	<u>200.000.000</u>

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.033.157.318	2.290.027.454
Tăng do trích lập trong năm	2.168.661.491	3.033.157.318
Hoàn nhập cuối năm	(1.104.712.929)	(996.717.345)
Số đã sử dụng trong năm	(865.774.389)	(1.293.310.109)
Số cuối năm	<u>3.231.331.491</u>	<u>3.033.157.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(22.316.962.627)	135.351.501.319
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	644.852.835	644.852.835
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.672.109.792)	135.996.354.154
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.672.109.792)	135.996.354.154
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	14.297.587.306	14.297.587.306
Số dư cuối năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(7.374.522.486)	150.293.941.460

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	154.167.870.000	154.167.870.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	265.779.577.839	190.154.722.252
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	212.287.348.785	165.316.157.266
Doanh thu cung cấp, lắp đặt điều hòa	53.492.229.054	24.838.564.986
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.473.153.412)	(4.559.845.543)
Chiết khấu thương mại	(143.592.000)	(525.037.999)
Hàng bán bị trả lại	(1.315.891.601)	(2.746.508.109)
Giảm giá hàng bán	(1.800.000)	(188.087.641)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(11.869.811)	(1.100.211.794)
Doanh thu thuần	264.306.424.427	185.594.876.709

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	188.566.882.579	138.447.247.426
Giá vốn cung cấp, lắp đặt điều hòa	40.404.915.492	23.295.230.358
Cộng	228.971.798.071	161.742.477.784

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	27.017.626	23.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.254.320	141.461.518
Lãi cho vay cá nhân	406.200.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.623.679	6.159.861
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.657.151
Cộng	463.095.625	176.278.530

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.943.715.125	10.355.132.199
Lãi trái phiếu phải trả	-	232.659.312
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	328.867.777	637.065.760
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.730.007	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.495.000	1.717.625
Cộng	<u>8.378.807.909</u>	<u>11.226.574.896</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.095.372.471	1.255.424.858
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	62.930.547	12.328.545
Chi phí khấu hao TSCĐ	433.106.772	34.900.250
Chi phí bảo hành	591.478.766	1.960.317.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	765.137.145	895.701.010
Chi phí bằng tiền khác	844.639.063	1.314.985.595
Cộng	<u>3.792.664.764</u>	<u>5.473.657.259</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.648.006.644	4.528.260.351
Chi phí đồ dùng văn phòng	540.463.810	104.378.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.219.181.046	491.681.227
Thuế, phí và lệ phí	7.158.478	354.230.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.644.325.906	3.724.171.044
Chi phí bằng tiền khác	919.893.786	666.463.553
Cộng	<u>11.979.029.670</u>	<u>9.869.185.548</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý vật tư linh kiện	-	433.762.100
Thu thanh lý tài sản cố định	254.545.454	-
Thu tiền phạt vi phạm	-	3.132.263.014
Thu cho thuê kho	6.089.999.994	3.078.500.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	596.784.032	991.475.742
Thu nhập khác	33.435.538	2.005.433
Cộng	<u>6.974.765.018</u>	<u>7.638.006.289</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng thanh lý	265.607.256	3.667.445.345
Các khoản phạt hành chính về thuế	11.976.110	318.739.271
Phạt vi phạm dán nhãn hàng hóa	1.500.000	-
Xóa nợ với đối tượng tồn đọng công nợ lâu ngày	-	134.612.027
Chi phí dự án mở cao lanh Cao Bằng	-	208.125.000
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	6.024.721	-
Chi phí khác	7.993	17.410.823
Cộng	<u>285.116.080</u>	<u>4.346.332.466</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.039.281.270	106.080.740
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.039.281.270</u>	<u>106.080.740</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.336.868.576	750.933.575
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23.500.831	663.476.298
- Các khoản điều chỉnh tăng	23.500.831	663.476.298
Các khoản phạt hành chính về thuế	11.976.110	320.739.271
Chi phí dự án mở cao lanh Cao Bằng	-	208.125.000
Phạt chậm nộp bảo hiểm	6.024.721	-
Chi phí không hợp lệ khác	5.500.000	134.612.027
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	18.360.369.407	1.414.409.873
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>4.039.281.270</u>	<u>212.161.481</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	<u>-</u>	<u>(106.080.741)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	<u>4.039.281.270</u>	<u>106.080.740</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Chi tạm ứng đầu tư	-	1.500.000.000
Thu tạm ứng đầu tư	1.574.000.000	1.000.000.000
Tạm ứng công tác	32.366.140	113.723.675
Hoàn tạm ứng	117.276.130	745.364.000
Thu thanh lý tài sản cố định	250.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị		
Số dư tạm ứng thành viên HĐQT	9.536.000.000	20.922.930.130
Số dư tạm ứng của cá nhân không còn là thành viên HĐQT	9.728.020.140	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	612.821.819	743.397.692

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa		
Phải thu tiền bán hàng	63.236.582.214	51.046.929.321
+ Giá trị chưa thuế	57.487.801.971	46.406.299.319
+ Thuế GTGT đầu ra	5.748.780.243	4.640.630.002
Thu tiền bán hàng	63.459.677.336	50.142.000.000
Phải trả tiền lắp đặt điều hòa	3.436.823.267	8.071.061.708
+ Giá trị chưa thuế	3.124.384.788	7.337.328.825
+ Thuế GTGT đầu vào	312.438.479	733.732.883
Trả trước tiền hàng cho IDT	250.000.000	5.992.000.000
Phải trả tiền mua hàng	57.638.680	-
+ Giá trị chưa thuế	52.398.800	-
+ Thuế GTGT đầu vào	5.239.880	-
Trả tiền hàng cho IDT	1.225.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	52.902.194.841	18.526.269.998
+ Giá trị chưa thuế	48.092.904.396	16.842.063.633
+ Thuế GTGT đầu ra	4.809.290.445	1.684.206.365
Phải thu tiền thuê kho	198.000.000	-
+ Giá trị chưa thuế	179.999.998	-
+ Thuế GTGT đầu ra	18.000.002	-
Thu thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	22.791.875.000	-
Chi phí dự án mở cao lanh Cao Bằng	-	208.125.000
Thu tiền bán hàng và thuê kho	49.978.000.000	16.073.654.500
Phải trả tiền mua hàng	1.050.610.000	-
+ Giá trị chưa thuế	955.100.000	-
+ Thuế GTGT đầu ra	95.510.000	-
Trả tiền mua hàng	1.050.610.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	15.161.546.574	17.270.441.779
Phải thu tiền bán hàng	14.911.546.574	15.134.641.696
Phải thu tiền ứng trước	250.000.000	2.135.800.083
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	37.075.960.810	56.745.640.971
Phải thu tiền bán hàng và thuê kho	23.075.960.810	19.953.765.971
Phải thu do thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	14.000.000.000	36.791.875.000
Cộng nợ phải thu	52.237.507.384	74.016.082.750

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa		
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	133.661.864	-
Cộng nợ phải trả	133.661.864	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	218.355.527.659	15.160.050.976	30.790.845.792	-	-	-	264.306.424.427	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	85.660.268.655	-	9.636.364	(85.669.905.019)	-	-	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.015.796.314	15.160.050.976	30.800.482.156	(85.669.905.019)			264.306.424.427	
Chi phí bộ phận	276.304.787.245	13.041.789.549	24.614.527.613	(84.989.306.336)			228.971.798.071	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	27.711.009.069	2.118.261.427	6.185.954.543	(680.598.683)			35.334.626.356	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(15.771.694.434)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							19.562.931.922	
Doanh thu hoạt động tài chính							463.095.625	
Chi phí tài chính							(8.378.807.909)	
Thu nhập khác							6.974.765.018	
Chi phí khác							(285.116.080)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(4.039.281.270)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							14.297.587.306	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.663.511.510	627.654.545	99.272.727	-			3.390.438.782	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.080.380.039	30.159.477	38.567.578	-			7.149.107.094	

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ		Cộng
Số cuối năm									
Tài sản trực tiếp của bộ phận	293.284.570.999		4.498.679.062		11.900.990.641		(43.871.678.150)		265.812.562.552
Tổng tài sản									265.812.562.552
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	141.610.332.401		4.498.679.062		11.900.990.641		(42.491.381.012)		115.518.621.092
Tổng nợ phải trả									115.518.621.092
Số đầu năm									
Tài sản trực tiếp của bộ phận	287.514.973.397		3.586.353.562		11.797.358.035		(40.794.548.924)		262.104.136.070
Tổng tài sản									262.104.136.070
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	150.818.920.788		3.586.353.562		11.797.358.035		(40.094.850.469)		126.107.781.916
Tổng nợ phải trả									126.107.781.916

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.509.109.249	2.524.264.793	3.509.109.249	2.524.264.793
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.254.484.650	-	1.254.484.650	-
Phải thu khách hàng	81.943.161.859	55.436.970.103	81.943.161.859	55.436.970.103
Các khoản phải thu khác	52.131.508.912	58.322.595.922	52.131.508.912	58.322.595.922
Cộng	138.838.264.670	116.283.830.818	138.838.264.670	116.283.830.818
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	77.229.492.988	76.715.080.642	77.229.492.988	76.715.080.642
Phải trả người bán	17.272.357.527	5.288.292.840	17.272.357.527	5.288.292.840
Các khoản phải trả khác	4.029.614.688	4.468.540.454	4.029.614.688	4.468.540.454
Cộng	98.531.465.203	86.471.913.936	98.531.465.203	86.471.913.936

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	77.029.492.988	200.000.000	-	77.229.492.988
Phải trả người bán	17.272.357.527	-	-	17.272.357.527
Các khoản phải trả khác	798.283.197	3.231.331.491	-	4.029.614.688
Cộng	95.100.133.712	3.431.331.491	-	98.531.465.203
Số đầu năm				
Vay và nợ	76.715.080.642	-	-	76.715.080.642
Phải trả người bán	5.288.292.840	-	-	5.288.292.840
Các khoản phải trả khác	1.435.383.136	3.033.157.318	-	4.468.540.454
Cộng	83.438.756.618	3.033.157.318	-	86.471.913.936

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đúng qui định của Thông tư này, Công ty sẽ áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (nay là Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt).

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hòa